

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/HS-ST
Ngày 25-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành;

Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đình G, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1987 tại huyện Trực N, tỉnh Nam Định; số CCCD: 036087014171; nơi cư trú: Xóm 1 thôn Trung L, xã Trung Đ, huyện Trực N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T (Đã chết) và bà Vũ Thị H; vợ con: Không; tiền án: Bản án số 43/2018/HSST ngày 13/7/2018, Toà án nhân dân huyện Trực N, tỉnh Nam Định xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án số 59/2022/HSST ngày 25/8/2022, Toà án nhân dân huyện Trực N, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 41/2014/HSST ngày 12/8/2014, Toà án nhân dân huyện Trực N, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 04/8/2016, Toà án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định miễn trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 24/4/2022, Công an xã Trung Đ, huyện Trực N, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm

hành chính về hành vi “Đánh bạc”; bị tạm giữ từ ngày 22/12/2024, chuyển tạm giam ngày 31/12/2024; có mặt.

2. Trần Thị C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1950 tại TPNĐ, tỉnh Nam Định; số CCCD: 036150003929; nơi cư trú: Tổ dân phố Vĩ L, phường Nam P, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bá T và bà Bùi Thị Q (Đều đã chết); có chồng Nguyễn Minh L và 01 con (Đều đã chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/12/2024, chuyển tạm giam ngày 31/12/2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị C:* Bà Trần Thị Nga - Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Người chứng kiến:*

Ông Đoàn Văn Đ;

Ông Hoàng Bá N;

Ông Nguyễn Đình V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 21/12/2024, tổ công tác Công an phường Nam V, TPNĐ, tỉnh Nam Định làm nhiệm vụ tại khu vực đầu ngõ đường ven Sông Đào thuộc tổ dân phố Vĩ L, phường Nam P, TPNĐ, tỉnh Nam Định phát hiện Phạm Đình G điều khiển xe máy biển số 98N6-2837 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. G thả từ tay trái xuống đất 01 gói giấy ăn màu trắng, bên trong có 03 gói giấy bạc màu vàng và 01 gói giấy bạc màu trắng để chứa chất bột dạng cục màu trắng (G khai là Heroine mua để sử dụng). Tổ công tác đã mời người chứng kiến việc thu giữ, niêm phong vật chứng và đưa G về Công an phường Nam P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, thu giữ của G 01 xe máy biển số 98N6-2837 và 01 điện thoại di động NOKIA màu đen (đã cũ).

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Đình G khai nhận 04 gói Heroine mua của một người phụ nữ tại ngôi nhà có cổng sắt màu xanh ở đầu ngõ đường ven Sông Đào thuộc tổ dân phố Vĩ L, phường Nam P, TPNĐ.

Căn cứ lời khai của G, Công an phường Nam V, TPNĐ xác minh người bán ma tuý cho G là Trần Thị C nên tiến hành triệu tập C đến làm việc. Tại Cơ quan Công an, Trần Thị C khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2024, C đi bộ ra khu vực gầm cầu Đò Q, phường Nam P, TPNĐ mua 04 gói Heroine của một người không quen biết với giá 200.000 đồng mang về nhằm mục đích để bán lại kiếm

lời. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, C bán lại 04 gói Heroine cho G lấy 400.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị C tại tổ dân phố Vĩ L, phường Nam P, TPND, tỉnh Nam Định không thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số: 134/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 03 (ba) gói giấy bạc màu vàng và 01 (một) gói giấy bạc màu trắng (Đều được gói trong 01 gói giấy ăn màu trắng) được niêm phong gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu: 1,178 gam.

Về nguồn gốc số ma túy, Trần Thị C khai mua của một người không quen biết ở khu vực gầm cầu Đò Quan, phường Nam P, TPND, tỉnh Nam Định với giá 200.000 đồng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho C.

Chiếc xe máy biển số 98N6-2837 thu giữ của Phạm Đình G, kết quả xác minh là tài sản của anh Phạm Văn Lâm (anh trai G). Anh Lâm không biết việc G mượn xe đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho anh Lâm.

Bản cáo trạng số 86/CT-VKS-TPND ngày 08 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân TPND, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Phạm Đình G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Thị C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; xác định các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Thị C đã trên 70 tuổi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo Phạm Đình G và Trần Thị C khai nhận hành vi tàng trữ và mua bán ma túy là vi phạm pháp luật; cùng xác nhận kết luận giám định liên quan đến chất ma túy bị Công an thu giữ là đúng; Viện kiểm sát truy tố là không oan. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đình G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Thị C phạm tội “Mua bán trái phép các chất ma túy”; căn cứ áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo G); khoản 1 và khoản 5 Điều 251, các điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo C); đề nghị xử phạt bị cáo G từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù, xử phạt bị cáo C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; phạt bổ sung bị cáo C từ 7 đến 10 triệu đồng; truy thu số tiền 400.000đ bán ma túy của bị cáo C để sung quỹ Nhà nước; căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng đã thu giữ. Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Trần Thị C xác định về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp

dụng đối với bị cáo C là có căn cứ; ngoài ra, xuất trình với Hội đồng xét Giấy chứng nhận hộ cận nghèo của hộ gia đình bị cáo C và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để quyết định cho bị cáo C được hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát và miễn phạt bổ sung bằng tiền cũng như án phí đối với bị cáo. Các bị cáo nhận tội và đều có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TPND cũng như Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TPND cũng như Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy lời khai các bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 21/12/2024; kết quả nhận dạng các bị cáo; bản kết luận giám định chất ma túy; lời khai người chứng kiến cũng như toàn bộ lời khai các bị cáo tại cơ quan điều tra. Từ các tình tiết chứng cứ này đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 21/12/2024, tại nhà của mình ở tổ dân phố Vĩ L, phường Nam P, TPND, tỉnh Nam Định, Trần Thị C có hành vi bán 1,178 gam Heroine cho Phạm Đình G với giá 400.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, khi Phạm Đình G đang nắm giữ 1,178 gam Heroine mang ra đến khu vực đầu ngõ đường ven Sông Đào thuộc tổ dân phố Vĩ L, phường Nam P, TPND thì bị Công an phường Nam V, TPND, tỉnh Nam Định bắt quả tang.

[3] Về cấu thành tội phạm: Hành vi các bị cáo Phạm Đình G và Trần Thị C thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã xâm phạm quy định về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là khách thể được pháp luật nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, vận chuyển và mua bán trái phép. Ma túy hiện đang là hiểm họa của nhân loại bị xã hội lên án và loại trừ, bởi nó là nguyên nhân dẫn đến sự tha hoá về đạo đức, suy thoái về giống nòi, là nguy cơ tiềm ẩn làm phát sinh ra các loại tội phạm khác. Bản thân các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ được tác hại của ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo Phạm Đình G do lối sống buông thả, không chịu rèn luyện tu dưỡng; bị cáo Trần

Thị C vì mục đích lợi nhuận nên các bị cáo đều bất chấp pháp luật mà dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi các bị cáo thực hiện đã thoả mãn các yếu tố cấu thành tội phạm. Viện kiểm sát nhân dân TPND, tỉnh Nam Định truy tố Trần Thị C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; xác định Phạm Đình G đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và truy tố G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Vì vậy, từng bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ bị xâm phạm, động cơ mục đích phạm tội cũng như hậu quả nguy hại cho xã hội của các bị cáo thì việc cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục là thoả đáng; đồng thời cũng mới đáp ứng được yêu cầu răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đều không có tình tiết nào bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình khai báo các bị cáo đều thành khẩn, nhận thức lỗi lầm ăn năn hối cải đó là tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét vận dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước. Đối với bị cáo Trần Thị C hiện đã trên 70 tuổi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của trợ giúp viên pháp lý về việc xuất trình Giấy chứng nhận hộ cận nghèo của gia đình bị cáo C để đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Thị C. Xét mức án Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với từng bị cáo là tương xứng, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này và sẽ cân nhắc để ấn định mức hình phạt cụ thể, đủ để cải tạo các bị cáo hoàn lương trở về hoà nhập với cuộc sống cộng đồng làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Thị C thực hiện hành vi mua bán ma túy để kiếm lời, thu nhập bất chính nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, bản thân bị cáo hiện đã già yếu nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Đình G do mắc tệ nạn nghiện ma túy, mục đích tàng trữ ma túy chỉ là để sử dụng nhằm thoả mãn nhu cầu cá nhân, không có mục đích mua bán kiếm lời nên cũng được Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền.

[6] Về vật chứng của vụ án: Số ma túy sau khi được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận giám định hoàn trả là Heroine bị Nhà nước nghiêm cấm nên sẽ bị tịch thu để tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Phạm Đình G được xác định là tài sản hợp pháp, không sử dụng vào việc liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên sẽ được trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục được lưu giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

Bị cáo Trần Thị C đã tiêu xài hết số tiền 400.000 đồng bán ma túy cho bị cáo Phạm Đình G. Vì vậy, buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền này để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phạm Đình G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đình G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Thị C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đình G 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 22 tháng 12 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Phạm Đình G.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; các điểm o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị C 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 22 tháng 12 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Thị C.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tiêu hủy toàn bộ số ma túy vật chứng của vụ án trong phong bì niêm phong số 134/KL-KTHS;

- Trả lại bị cáo Phạm Đình G chiếc điện thoại di động NOKIA màu đen (đã cũ) nhưng tiếp tục được lưu giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng, tài sản theo Quyết định chuyển vật chứng số 64/QĐ-VKS-TPNĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định).

- Buộc bị cáo Trần Thị C phải nộp số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị C.

- Bị cáo Phạm Đình G phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Đình G và Trần Thị C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPND;
- Công an TPND;
- Chi cục THADS TPND;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Kim Thành – Trịnh Thị Kim Cúc

Nguyễn Văn Quang